

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 02 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Tấn Nghị và bà Phan Thị Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thúy – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021 Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2022 giữa:

*Nguyên đơn:* **H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Có đơn xin vắng mặt.*

*Bị đơn:* **N**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Nguyên đơn bà H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 2007. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Sự việc kéo dài và từ năm 2019, hai bên tự sống xa nhau. Từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà H xin được ly hôn ông N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Y, sinh ngày 22/5/2007 hiện do bà H nuôi dưỡng và G, sinh ngày 15/10/2009 hiện do ông N nuôi dưỡng. Bà H xin nuôi con tên Y, ông N nuôi con tên G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

- Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà H được ly hôn ông N; giao bà H nuôi con tên Y, giao ông N nuôi con tên G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 31/8/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà H khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hai bên tự xa nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm ai. Qua xác minh tại địa phương, vợ chồng bà H, ông N sinh sống không hạnh phúc và đã tự sống xa nhau từ năm 2019 đến nay, mạnh ai người đó sống là sự thật.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H, ông N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên Y có nguyện vọng được sống cùng bà H. Con chung tên G lâu nay đang do ông N nuôi dưỡng, đã quen sống cùng ông N. Do đó, để cháu Y, cháu G phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà H: Giao bà H nuôi con chung tên Y, giao ông N nuôi con tên G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: bà H phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà H được ly hôn ông N.

2. Về con chung:

+ Giao con chung tên Y, sinh ngày 22/5/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Giao con chung tên G, sinh ngày 15/10/2009 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông N, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà H phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002038 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã S, huyện T  
(*GDKKH số 56/2007, ngày 31/8/2007*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Huệ**